

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Trần Minh Bình Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Mạnh Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2015)
Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 03 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Lan Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Như Dương Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 


Vũ Đức Mạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Số: *55* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016 từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2543-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		629.179.060.345	596.477.017.694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	92.789.057.007	166.190.948.381
1. Tiền	111		2.389.057.007	1.190.948.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.400.000.000	165.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	506.022.617.516	351.436.674.889
1. Đầu tư ngắn hạn	121		532.574.894.740	356.843.041.790
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(26.552.277.224)	(5.406.366.901)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.289.209.414	78.825.179.238
1. Trả trước cho người bán	132		-	1.333.334
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	136.945.989	323.482.317
3. Các khoản phải thu khác	135	7	30.152.263.425	78.500.363.587
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.176.408	24.215.186
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		78.176.408	24.215.186
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		405.765.523.742	427.059.829.685
I. Tài sản cố định	220		1.228.117.223	1.961.088.887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.228.117.223	1.961.088.887
- Nguyên giá	222		4.241.960.000	4.241.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.013.842.777)	(2.280.871.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		123.708.000	123.708.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(123.708.000)	(123.708.000)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	404.450.768.300	424.708.746.972
1. Đầu tư dài hạn khác	258		416.390.000.000	437.390.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(11.939.231.700)	(12.681.253.028)
III. Tài sản dài hạn khác	260		86.638.219	389.993.826
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		86.638.219	389.993.826
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.034.944.584.087	1.023.536.847.379

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		55.737.988.091	47.040.877.669
I. Nợ ngắn hạn	310		55.737.988.091	47.040.877.669
1. Phải trả người bán	312		24.973.973	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	8.897.038.237	10.089.499.786
3. Phải trả người lao động	315		3.243.943.988	3.366.847.913
4. Chi phí phải trả	316		26.150.000	45.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	43.322.460.511	33.286.623.588
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		223.421.382	252.906.382
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		979.206.595.996	976.495.969.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12	950.000.000.000	950.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		18.017.789.961	15.594.819.049
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.188.806.035	8.776.835.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	2.124.315.538
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.034.944.584.087	1.023.536.847.379

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		72.404.150.000	12.689.100.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		791.990.000.000	763.786.120.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		12.113.710.659	1.484.604.338
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	13	12.113.710.659	1.482.094.531
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	13	-	2.509.807
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		2.386.007.200.707	1.559.994.250.942
4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	13	2.386.007.200.707	1.558.554.250.942
4.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	13	-	1.440.000.000
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	5.005.694.448
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		354.471.832	344.093.981



Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng





Vũ Đức Mạnh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	14	19.555.256.521	12.904.620.507
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		19.555.256.521	12.904.620.507
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		3.778.514.464	2.381.167.381
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		15.776.742.057	10.523.453.126
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	81.733.216.168	73.647.399.716
6. Chi phí tài chính	22	16	25.582.207.161	20.581.681.210
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	15.792.691.803	13.589.457.037
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		56.135.059.261	49.999.714.595
9. Thu nhập khác	31		3.787.152.315	107.528.101
10. Chi phí khác	32		5.905.064	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.781.247.251	107.528.101
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		59.916.306.512	50.107.242.696
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	11.916.888.266	10.930.218.720
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		47.999.418.246	39.177.023.976

Nguyễn Thị Thanh Tú

Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Hoàng Thị Dung

Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh

Vũ Đức Mạnh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>59.916.306.512</i>	<i>50.107.242.696</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	732.971.664	770.576.394
Các khoản dự phòng	03	20.403.888.995	4.634.988.984
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(81.733.216.168)	(73.647.399.716)
<i>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>(680.048.997)</i>	<i>(18.134.591.642)</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	78.581.219.716	(36.654.900.077)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.570.800	1.798.919.381
Thay đổi chi phí trả trước	12	303.355.607	331.888.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.090.171.341)	(15.060.096.652)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.787.152.315	2.543.775.135
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.989.800.000)	(2.524.668.777)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>64.920.278.100</i>	<i>(67.699.674.516)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(58.660.904.380)	(236.056.111.133)
2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.418.750.000	100.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(148.284.333.005)	(32.949.725.101)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	44.163.446.700	20.214.826.095
5. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.265.192.789	56.568.603.785
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(103.097.847.896)</i>	<i>(92.222.406.354)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.224.321.578)	(40.358.434.646)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(35.224.321.578)</i>	<i>(40.358.434.646)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(73.401.891.374)</i>	<i>(200.280.515.516)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	166.190.948.381	366.471.463.897
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	92.789.057.007	166.190.948.381

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 43.199.476.422 VND là lợi nhuận phát sinh trong năm 2015 nhưng chưa được thanh toán và bao gồm 35.224.321.578 VND là lợi nhuận phát sinh năm 2014 nhưng được thanh toán trong năm 2015. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thanh Tú
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng


Vũ Đức Mạnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 05-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2014		01/01/2015		31/12/2014	
			Năm trước	Năm nay		
			Tăng	Tăng		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	950.000.000.000	950.000.000.000	-	-	950.000.000.000	950.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	13.635.967.850	15.594.819.049	1.958.851.199	2.422.970.912	15.594.819.049	18.017.789.961
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.817.983.924	8.776.835.123	1.958.851.199	2.411.970.912	8.776.835.123	11.188.806.035
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.124.315.538	39.177.023.976	47.999.418.246	2.124.315.538	-
Cộng	970.453.951.774	976.495.969.710	43.094.726.374	52.834.360.070	976.495.969.710	979.206.595.996

(*) Phát sinh giảm "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" bao gồm: số tiền chuyển bổ sung về chủ sở hữu (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) và trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2014 bổ sung là 2.124.315.538 VND theo Công văn số 4816/TGD-NHCT11 ngày 01 tháng 6 năm 2015, số tiền phải chuyển về chủ sở hữu và trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2015 là 47.999.418.246 VND theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC và quyết định của chủ sở hữu.



Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Công ty mẹ của Công ty là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 37 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36 người), trong đó 8 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
Vũ Đức Mạnh	000716/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan	00327/QLQ	17 tháng 6 năm 2009	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Ngọc Tài	00060/QLQ	27 tháng 02 năm 2009	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
Đặng Lưu Hải	001009/QLQ	03 tháng 10 năm 2013	Trưởng phòng Quản lý tài sản
Hoàng Thị Dung	001039/QLQ	22 tháng 11 năm 2013	Kế toán trưởng
Trần Thị Tố Nga	001040/QLQ	22 tháng 11 năm 2013	Chuyên viên tư vấn phòng Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp
Đỗ Anh Ngọc	001038/QLQ	19 tháng 11 năm 2013	Nhân viên Phòng Quản lý tài sản
Nguyễn Thị Thùy Linh	001025/QLQ	07 tháng 11 năm 2013	Phó phòng Quản lý tài sản

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro được xác định theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Điều kiện để trích lập dự phòng:

- Các loại chứng khoán được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ghi nhận theo giá gốc theo quy định của pháp luật về kế toán;
- Các loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thực tế trên thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ sách kế toán;
- Chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và cổ phiếu quỹ không được trích lập dự phòng giảm giá.

Phương pháp trích lập dự phòng:

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định là chênh lệch giữa giá chứng khoán thực tế trên thị trường với giá trị chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán.

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- a) Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:
 - Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
 - Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Tiếp theo)

b) Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch:

- Giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Người quản lý, điều hành của công ty chứng khoán được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.
- Công ty chứng khoán báo giá được quyền thu phí đối với công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ đề nghị báo giá và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp. Mức thu phí do hai bên tự thỏa thuận.

c) Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Khoản dự phòng này được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

	2015
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển về cho chủ sở hữu theo quyết định của chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của chủ sở hữu Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ của Công ty được quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ. Cụ thể, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- a) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ. Quỹ này dùng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty.
- b) Trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ. Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Hàng năm, Công ty thực hiện trích lập và hạch toán các quỹ này khi kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.
- Doanh thu lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.
- Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	137.471.766	23.844.602
Tiền gửi ngân hàng	2.251.585.241	1.167.103.779
Các khoản tương đương tiền	90.400.000.000	165.000.000.000
	92.789.057.007	166.190.948.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu		158.070.611.406		32.949.725.101
- Công ty TNHH DAP-VINACHEM	-	-	929.612	9.296.120.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	850.000	25.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	316.014	4.668.768.801	916.710	13.950.227.001
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	297.000	5.117.509.600	297.000	5.117.509.600
- Công ty Cổ phần FPT	-	-	30.000	1.602.400.000
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	-	25.200	2.983.468.500
- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	2.484.221	45.878.251.623	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	125.000	1.551.323.500	-	-
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	140.000	1.791.683.502	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	800.000	19.228.800.000	-	-
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	15.000	453.906.000	-	-
- Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	1.076.280	28.564.202.130	-	-
- Công ty Cổ phần Hải Minh	807.900	12.945.789.600	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.179.000	12.870.376.650	-	-
Trái phiếu sẵn sàng để bán (i)		374.504.283.334		323.893.316.689
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	123	123.411.366.667	23	23.075.261.133
- Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	250	251.092.916.667	250	250.818.055.556
- Tập đoàn Than - Khoáng sản	-	-	50	50.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(26.552.277.224)		(5.406.366.901)
		506.022.617.516		351.436.674.889

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu sẵn sàng để bán không có thông tin giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết (OTC). Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này trên cơ sở tình hình tài chính và triển vọng của các công ty được đầu tư và tin tưởng rằng, không có dấu hiệu suy giảm giá trị đối với các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	51.780.767	-
Phải thu hoạt động quản lý doanh mục đầu tư	85.165.222	323.482.317
	136.945.989	323.482.317

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014 (*)
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	33.655.556	118.527.778
Dự thu lãi trái phiếu	30.065.555.558	28.339.507.042
Phải thu từ đặt cọc mua cổ phần (**)	-	50.000.000.000
Khác	53.052.311	42.328.767
	30.152.263.425	78.500.363.587

(*) Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh.

(**) Ngày 20 tháng 01 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Hải Thạch BOT để góp vốn mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả. Số tiền này đã được Công ty Cổ phần Hải Thạch BOT hoàn trả lại cho Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2015.

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	3.517.060.000	724.900.000	4.241.960.000
Mua sắm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	3.517.060.000	724.900.000	4.241.960.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.746.023.643	534.847.470	2.280.871.113
Khấu hao trong năm	586.176.672	146.794.992	732.971.664
Tại ngày 31/12/2015	2.332.200.315	681.642.462	3.013.842.777
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	1.184.859.685	43.257.538	1.228.117.223
Tại ngày 31/12/2014	1.771.036.357	190.052.530	1.961.088.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015			31/12/2014		
	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng	Giá trị VND	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi (*)	47,98	2.399.000	23.990.000.000	49,98	2.499.000	24.990.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (*)	10,74	11.580.000	120.000.000.000	19,29	11.580.000	120.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa (*)	30,00	9.150.000	91.500.000.000	30,00	9.150.000	91.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Mỹ Đình (*)	0,00	-	-	20,00	2.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	2,51	17.000.000	171.700.000.000	2,51	17.000.000	171.700.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công thương	1,42	600.000	6.000.000.000	1,42	600.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn NHTMCP Công thương Việt Nam	1,25	320.000	3.200.000.000	1,25	320.000	3.200.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(11.939.231.700)			(12.681.253.028)
			404.450.768.300			424.708.746.972

(*) Công ty có kế hoạch nắm giữ các khoản đầu tư này không nhằm mục đích kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, do đó, Công ty trình bày ở mục đầu tư dài hạn khác.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.859.178.745	10.032.461.820
Thuế thu nhập cá nhân	37.859.492	57.037.966
	8.897.038.237	10.089.499.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả cho phần lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	43.199.476.422	33.135.006.040
Khác	122.984.089	151.617.548
	<u>43.322.460.511</u>	<u>33.286.623.588</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2013 đối với Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 950.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

		Vốn đã góp tại ngày	
Theo Giấy phép điều chỉnh		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	950.000.000.000	100%	950.000.000.000
	<u>950.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>950.000.000.000</u>

13. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	448.396.730.707	108.143.780.942
Cổ phiếu không niêm yết	914.810.470.000	739.410.470.000
Trái phiếu	370.000.000.000	450.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	130.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	254.200.000.000	-
Đầu tư khác	268.600.000.000	261.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn	12.113.710.659	1.482.094.531
	<u>2.398.120.911.366</u>	<u>1.560.036.345.473</u>

Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cổ phiếu không niêm yết	-	1.440.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn	-	2.509.807
	<u>-</u>	<u>1.442.509.807</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	5.363.240.215	3.912.487.174
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	14.055.000.000	8.992.133.333
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	137.016.306	-
	19.555.256.521	12.904.620.507

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.903.564.256	18.418.177.021
Lãi đầu tư tài chính	62.366.814.515	51.125.507.042
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.002.804.827	725.697.000
Doanh thu từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán	8.459.222.570	3.367.185.319
Doanh thu hoạt động tài chính khác	810.000	10.833.334
	81.733.216.168	73.647.399.716

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi về mua bán chứng khoán	5.148.977.122	15.897.117.758
Phí lưu ký	-	6.074.468
Chi phí khác	29.341.044	43.500.000
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	20.403.888.995	4.634.988.984
	25.582.207.161	20.581.681.210

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.207.239.235	8.719.619.552
Chi phí vật liệu công cụ làm việc	892.319.953	827.674.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591.460.507	655.685.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.639.974	635.216.904
Chi phí khác	4.401.032.134	2.751.259.851
	15.792.691.803	13.589.457.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.410.137.072	10.247.485.868
Chi phí vật liệu công cụ làm việc	1.105.813.883	972.701.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	732.971.664	770.576.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.273.099	746.520.672
Chi phí khác	5.454.010.549	3.233.340.200
	19.571.206.267	15.970.624.418

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	59.916.306.512	50.107.242.696
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	6.089.804.827	725.697.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	335.601.003	301.266.667
Thu nhập chịu thuế	54.162.102.688	49.682.812.363
<i>Thuế suất</i>	<i>22%</i>	<i>22%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.915.662.591	10.930.218.720
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm 2013 vào chi phí thuế TNDN hiện hành	1.225.675	-
Chi phí TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.916.888.266	10.930.218.720

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.789.057.007	166.190.948.381
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	506.022.617.516	351.436.674.889
Các khoản phải thu ngắn hạn	30.289.209.414	78.825.179.238
Đầu tư dài hạn khác	404.450.768.300	424.708.746.972
Tổng	1.033.551.652.237	1.021.161.549.480
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	24.973.973	-
Chi phí phải trả	26.150.000	45.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.322.460.511	33.286.623.588
Tổng	43.373.584.484	33.331.623.588

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các tài sản và công nợ tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất trong năm vì các khoản tiền gửi của Công ty đều có lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty cổ phần. Hội đồng Đầu tư của Công ty xem xét các quyết định đầu tư cũng như ngành nghề kinh doanh của các đơn vị nhận đầu tư để phê duyệt các khoản đầu tư mới. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá được rủi ro về giá của các công cụ vốn này do thiếu thị trường hoạt động.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.789.057.007	-	92.789.057.007
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	506.022.617.516	-	506.022.617.516
Các khoản phải thu ngắn hạn	30.289.209.414	-	30.289.209.414
Đầu tư dài hạn khác	-	404.450.768.300	404.450.768.300
Tổng cộng	629.100.883.937	404.450.768.300	1.033.551.652.237
Phải trả người bán	24.973.973	-	24.973.973
Chi phí phải trả	26.150.000	-	26.150.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.322.460.511	-	43.322.460.511
Tổng cộng	43.373.584.484	-	43.373.584.484
Chênh lệch thanh khoản ròng	585.727.299.453	404.450.768.300	990.178.067.753
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.190.948.381	-	166.190.948.381
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	351.436.674.889	-	351.436.674.889
Các khoản phải thu ngắn hạn	78.825.179.238	-	78.825.179.238
Đầu tư dài hạn khác	-	424.708.746.972	424.708.746.972
Tổng cộng	596.452.802.508	424.708.746.972	1.021.161.549.480
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	33.286.623.588	-	33.286.623.588
Tổng cộng	33.331.623.588	-	33.331.623.588
Chênh lệch thanh khoản ròng	563.121.178.920	424.708.746.972	987.829.925.892

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Quan hệ	2015 VND	2014 VND
Doanh thu phí ủy thác đầu tư			
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	1.064.585.055	115.672.917
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	10.916.667	-
Doanh thu phí tư vấn đầu tư, phí ủy thác đầu tư			
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	13.880.000.000	5.212.881.944
Lãi từ hợp đồng tiền gửi			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	2.903.753.213	13.967.607.359
Lãi từ tài khoản tiền gửi của nhà ủy thác			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	695.616.568	119.148.982
Giao dịch bán trái phiếu			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	-	80.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	100.418.750.000	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ	726.987.779.982	-
Giao dịch mua trái phiếu			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ	776.630.811.111	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Sổ dư với các bên liên quan như sau:

	Quan hệ	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Quản lý vốn ủy thác đầu tư			
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm	Công ty có cùng	554.463.641.400	8.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán	Công ty có cùng	200.000.000.000	450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	688.993.355	785.074.471
Tiền gửi giao dịch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	89.079.694	328.040.509
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	90.400.000.000	150.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	347.376.630	379.486.888
Phải trả khác của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	43.199.476.422	33.135.006.040

Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.363.474.012	2.509.393.727
Thù lao của Chủ tịch Công ty	180.000.000	180.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Một số số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại như sau:

Khoản mục	Trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Phân loại lại trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
	VND	VND	VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	323.482.317	323.482.317
Các khoản phải thu khác	78.823.845.904	(323.482.317)	78.500.363.587



Nguyễn Thị Thanh Tú
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
Tổng Giám đốc
